TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2017/DS-ST
Ngày 13-9-2017
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Lý.

2. Ông Bùi Văn Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quốc Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 13-9-2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2017/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2017/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2017/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2017/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngô Việt H, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Chòm Xoài, xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ngô Thị N, sinh năm 1975.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lê Văn C (chồng chị N), sinh năm 1972.

Chị N anh C cùng HKTT: Ấp Bắc Trang 2, xã Tân Công Chí, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Chổ ở hiện nay: Ấp Chòm Xoài, xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13-7-2013, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm anh Ngô Việt H trình bày: Vì là chỗ anh em ruột giữa anh H với chị N nên vào ngày 09-5-2008, anh H có cho chị N và anh C vay 320.000.000đồng, lãi suất các bên thỏa thuận (có viết biên nhận). Từ ngày hỏi vay cho đến 2013 anh C chị N không đóng lãi cũng không trả vốn gốc. Do đó, anh H làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng yêu cầu chị Ngô Thị N trả số tiền vay còn thiếu gốc 320.000.000đồng và lãi tính từ ngày vay cho đến năm 2013 là 64 tháng nhưng nay anh H chỉ tính 36 tháng lãi thành tiền là 129.600.000đồng (320.000.000đồng x 36 tháng x 1,125%/tháng).

Ngày 20-9-2013, tại phiên hòa giải anh Ngô Việt H chỉ yêu cầu một mình chị Ngô Thị N trả nợ, không yêu cầu anh Lê Văn C cùng liên đới trả.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20-9-2013, Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tinh Đồng Tháp ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 125/2013/QĐST-DS ngày 30-9-2013.

Trong quá trình thi hành án do tài sản của anh C không được thi hành để đảm bảo trả nợ cho anh H, nên anh H, chị N làm đơn khiếu nại yêu cầu Giám đốc thẩm đối với Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên. Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh quyết định giám đốc thẩm hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 125/2013/QĐST-DS ngày 30-9-2013 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định.

Vào ngày 09-01-2017, anh H đã nhận số tiền 36.357.000đồng theo như Quyết định phân phối tỷ lệ thi hành án của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng. Đồng thời anh H nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 10.992.000đồng theo phiếu chi ngày 02-10-2013 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng.

Nay, anh H đồng ý khấu trừ số tiền 36.357.000đồng đã nhận vào số tiền lãi mà anh H yêu cầu và yêu cầu ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuân giữa anh H với chị N à anh C cụ thể như sau: Chị Ngô Thị N anh Lê Văn C đồng ý liên đới trả số tiền vay gốc 320.000.000đồng và tiền lãi là 93.243.000đồng, tổng cộng gốc và lãi là 413.243.000đồng cho anh Ngô Việt H, còn thời gian từ sau khi hòa giải (vào ngày 20-9-2013) cho đến nay thì anh H không yêu cầu tính lãi.

- Lời trình bày của bị đơn là Ngô Thị N có trong hồ sơ vụ án như sau: Qua lời trình bày của anh H thì chị N thống nhất. Chị N thừa nhận chị và anh C có vay của anh H với số tiền vốn gốc là 320.000.000đồng theo biên nhận ngày 09-5-2008 (nội dung biên nhận là mượn nhưng thực chất là vay) và tiền lãi là 129.600đồng, nay anh Ngô Việt H yêu cầu thì chị N và anh C thống nhất liên đới trả, còn việc anh H nhận 36.357.000đồng thì chị N không biết và chị N thống nhất khấu trừ số tiền 5.496.000đồng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0009133 ngày 13-3-2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng đối với số tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án này. Đồng thời chị N yêu cầu số tài sản của vợ chồng chị N mà Cơ quan thi hành án dân sự huyện Tân Hồng đã thi hành phải trả lại cho chị N để chị N bán trả đều cho các chủ nợ.

- Lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn C có trong hồ sơ vụ án như sau: Thống nhất lời trình bày của chị Ngô Thị N. Anh Lê Văn C đồng ý cùng chị Ngô Thị N liên đới trả nợ vay gốc là 320.000.000đồng theo biên nhận ngày 09-5-2008 và tiền lãi là 129.600đồng cho anh H. Nhưng anh yêu cầu số tài sản của vợ chồng anh C mà Cơ quan thi hành án dân sự huyện Tân Hồng đã thi hành phải trả lại cho vợ chồng anh C, để vợ chồng anh C bán trả đều cho các chủ nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Bị đơn Ngô Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị N và anh C là đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét thấy, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm bị đơn Ngô Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn C đã được tống đạt, triệu tập hợp lệ mà vẫn cố tình vắng mặt lần thứ ba không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ngô Thị N và Lê Văn C là đúng theo quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của anh Ngô Việt H về việc yêu cầu chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C phải liên đới trả số tiền nợ vay gốc là 320.000.000đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào biên nhận ngày 09-5-2008, anh Lê Văn C và chị ngô Thị N có vay của anh Ngô Việt H số tiền 320.000.000đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng), biên nhận không thể hiện thời hạn vay và lãi suất, biên nhận do anh C và chị N trực tiếp ký nhận, tuy nội dung là mượn nhưng thật sự là vay tài sản, anh C chị N cũng thừa nhận việc này, cho thấy biên nhận là có thật và được hai bên thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với tiền lãi: Tại đơn khởi kiện và tại các phiên hòa giải ngày 20-9-2013, ngày 04-5-2017 anh H yêu cầu chị N và anh C trả theo mức lãi suất 1,125%/tháng tính từ ngày vay đến ngày 20-9-2013 là 64 tháng nhưng chỉ yêu cầu 36 tháng và đồng ý khấu trừ số tiền mà anh H đã nhận 36.357.000đồng vào số tiền lãi mà anh H yêu cầu, còn thời gian từ sau khi hòa giải (vào ngày 20-9-2013) cho đến nay thì anh H không yêu cầu tính lãi, cụ thể: Tiền lãi là 320.000.000đồng x 1,125%/tháng x 36 tháng = 129.600đồng, khấu trừ số tiền 36.357.000đồng, chị N và anh C phải trả số tiền lãi còn lại là

93.243.000đồng, anh C và chị N thống nhất nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H về tiền lãi.

Từ nhận định trên, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh Ngô Việt H. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh H với chị N và anh C cụ thể: Chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C đồng ý liên đới trả cho anh Ngô Việt H tiền vốn vay gốc 320.000đồng, tiền lãi 93.243.000đồng, tổng cộng gốc, lãi là 413.243.000đồng (bốn trăm mười ba triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Đối với ý kiến của chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C về việc yêu cầu số tài sản của vợ chồng anh C và chị N mà Cơ quan thi hành án dân sự huyện Tân Hồng đã thi hành phải trả lại cho anh, chị để anh, chị bán trả đều cho các chủ nợ. Hội đồng xét xử xét thấy nội dung yêu cầu của anh C, chị N không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên không xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 20-8-2013 bị đơn Ngô Thị N đã nộp đơn xin miễn một phần tiền án phí dân sự (kèm theo đơn là đơn xin xác nhận gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn được UBND xã Tân Công Chí, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xác nhận vào ngày 17-9-2013). Ngày 13-3-2017, Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý sơ thẩm lại theo Quyết định giám đốc thẩm số: 235/2016/DS-GĐT ngày 28-9-2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 26-4-2017, Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng yêu cầu chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C nộp đơn xác nhận lại hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn nhưng anh C, chị N không nộp, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, mà cho rằng tùy Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết miễn, giảm án phí dân sự sơ thẩm cho anh C, chị N.

Do chấp nhận yêu cầu của anh H nên anh C và chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.529.720đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí 5.496.000đồng mà chị Ngô Thị N đã nộp theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0009133 ngày 13-3-2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng. Vậy, chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C còn phải liên đới chịu 15.033.500đồng (lấy tròn) (mười lăm triệu không trăm ba mươi ba nghìn năm trăm đồng) theo quy định 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Hội đồng xét xử xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 357 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Ngô Việt H với chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C cụ thể như sau: Chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C đồng ý liên đới trả cho anh Ngô Việt H số tiền vay gốc 320.000.000đồng, tiền lãi là 93.243.000đồng, tổng cộng gốc, lãi là 413.243.000đồng (bốn trăm mười ba triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C phải liên đới chịu 20.529.720đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí 5.496.000đồng mà chị Ngô Thị N đã nộp theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0009133 ngày 13-3-2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng. Vậy, chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C còn phải liên đới chịu 15.033.500đồng (lấy tròn) (mười lăm triệu không trăm ba mươi ba nghìn năm trăm đồng).

Anh Ngô Việt H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh H 10.992.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo

biên lai thu số: BN/2013: 03606, ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng.

Đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 13-9-2017). Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Văn Cư